

Số: ~~574~~ /2006/QĐ-UB

Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 24/3/2005 của Ban Thường vụ Thành ủy về công tác bảo vệ môi trường đến năm 2010, định hướng đến 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Quyết định số 34/2005/QĐ-TTg ngày 22/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;
- Căn cứ Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 24/3/2005 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về công tác bảo vệ môi trường đến năm 2010, định hướng đến 2020;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 193/STN&MT ngày 07/03/2006,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 24/3/2005 của Ban Thường vụ Thành ủy về công tác bảo vệ môi trường đến năm 2010, định hướng đến 2020.

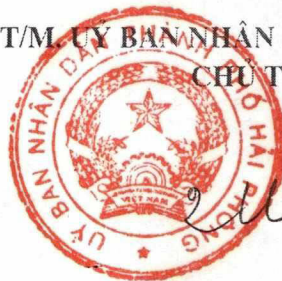
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Văn phòng Chính phủ,
- Văn phòng Trung ương, các Ban của Đảng,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- TTTU, TTHDND TP,
- Đ/c Bí thư thành ủy,
- CT và các PCT UBNDTP,
- Như Điều 3,
- Các cơ quan đoàn thể thành phố,
- CVP, các PVP UBNDTP,
- Các CV UBNDTP,
- Lưu VP.

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH



Trịnh Quang Sử

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**Thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-TU ngày 24/3/2005 của Ban Thường vụ
Thành uỷ về công tác bảo vệ môi trường đến năm 2010, định hướng đến 2020**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 571.../2006/QĐ-UB ngày 22/03/2006
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

I- MỤC TIÊU

Chương trình hành động cụ thể hoá các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-TU ngày 24/3/2005 của Thành uỷ Hải Phòng về công tác bảo vệ môi trường thành phố đến năm 2010, định hướng đến 2020 nhằm phòng ngừa, hạn chế, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, phục hồi và từng bước nâng cao chất lượng môi trường thành phố, kết hợp chặt chẽ và hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, thực hiện chế độ công bằng xã hội phục vụ mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

1- Định hướng đến năm 2020

1.1- Mục tiêu: Ngăn chặn về cơ bản mức độ gia tăng ô nhiễm, khắc phục suy thoái và nâng cao chất lượng môi trường, bảo đảm phát triển bền vững thành phố, mọi người dân đều được sống trong môi trường có chất lượng đạt chuẩn mực do Nhà nước qui định. Phát triển mạnh mẽ ngành công nghiệp tái chế chất thải để sử dụng.

1.2- Chỉ tiêu chính: 80% đơn vị sản xuất, kinh doanh phải được đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc đạt tiêu chuẩn ISO 14001; 100% khu vực nội thành, thị xã, thị trấn và các khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; Phân đấu 100% sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và 60% sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng trong nước sản xuất tại Hải Phòng được ghi nhãn đạt tiêu chuẩn môi trường; Phân đấu 40% trở lên chất thải thu gom được tái chế;

2- Mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2010

2.1- Mục tiêu: Cải thiện chất lượng môi trường, nhất là ở các khu vực trọng điểm ô nhiễm; hạn chế mức độ gia tăng tình trạng suy thoái và ô nhiễm đất canh tác; giải quyết về cơ bản ô nhiễm môi trường ở khu, cụm công nghiệp, khu dân cư nội thành và nông thôn, thị xã, thị trấn, các khu xử lý rác, vùng nuôi trồng thủy sản và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá ven biển. Phát triển ngành công nghiệp tái chế chất thải để sử dụng; Nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động của thiên tai, khắc phục nhanh và có hiệu quả các sự cố môi trường. Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm cân bằng sinh thái ở mức cao, bảo tồn và giữ vững đa dạng sinh học tại các khu vực Cát bà, vùng ven biển; Chủ động thực hiện và đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong hội nhập quốc tế, hạn chế tác động tiêu cực của toàn cầu hóa đến môi trường thành phố nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo phát triển bền vững;

2.2- Chỉ tiêu chính: 100% cơ sở sản xuất mới phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị thiết bị giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường; 75% doanh nghiệp vừa và lớn được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc đạt tiêu chuẩn ISO-14001; 90 - 100% chất thải đô thị, công nghiệp và dịch vụ được thu gom; 90 - 100% nước thải đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường; 100% dân cư đô thị và 90% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch; 100% dân số khu vực nông thôn được sử dụng hố xí hợp vệ sinh; 90 - 100% đường phố đô thị có cây xanh, nâng tỷ lệ đất công viên tại các khu đô thị mới lên đạt chuẩn đô thị loại I; Phục hồi, hoàn nguyên môi trường tại 70% các khu vực khai thác khoáng sản và 50% các hệ sinh thái đã bị suy thoái; 100% doanh nghiệp có sản phẩm xuất khẩu áp dụng hệ thống quản lý môi trường đạt tiêu chuẩn ISO-14001; 100% doanh nghiệp Hải Phòng không vi phạm quy định về bảo vệ môi trường đối với việc vận chuyển chất thải qua cửa khẩu Hải Phòng và trong hoạt động nghiên cứu, sản xuất, nhập khẩu công nghệ, hoá chất độc hại, sinh vật biến đổi gen và các sản phẩm của chúng.

3- Mục tiêu cụ thể

3.1-Hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm: 100% cơ sở sản xuất xây dựng mới phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị thiết bị giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường; 75% doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc chứng chỉ tiêu chuẩn ISO 14001; 45% hộ gia đình ở đô thị, 80% doanh nghiệp có dụng cụ phân loại rác thải tại nguồn, 90 -100% khu vực công cộng có thùng thu gom rác thải; 90 - 100% các khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; 90 - 100% chất thải sinh hoạt, công nghiệp tại các khu đô thị và khu công nghiệp, thị trấn được thu gom, vận chuyển và xử lý; 70% chất thải nguy hại và 100% chất thải bệnh viện được xử lý bằng công nghệ phù hợp, đạt tiêu chuẩn môi trường; Kiểm soát hiệu quả an toàn hóa chất, đặc biệt các hóa chất có mức độ độc hại cao và việc sản xuất, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật gây ô nhiễm môi trường; Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.

3.2- Cải thiện chất lượng môi trường: Cơ bản hoàn thành cải tạo và nâng cấp hệ thống thoát nước mưa và nước thải khu vực đô thị, khu công nghiệp. Các khu đô thị mới có hệ thống xử lý nước thải riêng đạt tiêu chuẩn; 90% - 100% kênh, mương, ao hồ ở khu vực đô thị đang bị ô nhiễm nặng được cải tạo, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; 100% dân số đô thị và 90% - 100% dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 90% - 100% đường phố đô thị có cây xanh, nâng tỷ lệ đất công viên tại các khu đô thị lên gấp 2 lần so với năm 2000; 90% cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn vệ sinh và có cây xanh trong khuôn viên sản xuất; Có biện pháp bảo vệ thích hợp nâng cao chất lượng nước sông Đa Độ, sông Giá, sông Rế.

3.3- Đảm bảo cân bằng sinh thái ở mức cao: Phục hồi, hoàn nguyên 70% môi trường tại các khu vực khai thác khoáng sản ở Thủy Nguyên, An Lão và 50% hệ sinh thái bị suy thoái ở các khu vực rừng ngập mặn ven biển; Giữ vững và nâng cao chất lượng hệ sinh thái và đa dạng sinh học của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cát Bà, quần đảo Cát Bà và đảo Bạch Long Vĩ; Tăng tỷ lệ diện tích đất có rừng che phủ; 15% tổng năng lượng tiêu thụ hàng năm là năng lượng sạch.

3.4- Đáp ứng các yêu cầu về môi trường để hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả và phát triển bền vững: 100% doanh nghiệp có sản phẩm xuất khẩu áp dụng hệ thống quản lý môi trường đạt tiêu chuẩn ISO 14001; 100% sinh vật biến đổi gen và giống thủy sản nhập khẩu qua cảng Hải Phòng được kiểm soát; Loại bỏ hoàn toàn việc vận chuyển chất thải trái quy định qua cửa khẩu Hải Phòng; Không vi phạm quy định trong hoạt động nghiên cứu, sản xuất, nhập khẩu công nghệ, hoá chất độc hại, sinh vật biến đổi gen và các sản phẩm về bảo vệ môi trường.

II- NHIỆM VỤ

1- Bảo vệ môi trường đô thị, các thị xã, thị trấn, thị tứ: Xử lý triệt để ô nhiễm ở các khu vực hồ ao, sông, kênh, mương trong khu vực đô thị. Tiếp tục triển khai các dự án cải tạo hệ thống thoát nước nội thành theo hướng tách riêng nước mưa với nước thải, đảm bảo không gây ngập úng trong nội thành; Chấm dứt hoàn toàn các cơ sở sản xuất, bệnh viện xả thải trực tiếp nước thải, chất thải rắn không đạt tiêu chuẩn môi trường do không qua qua hệ thống xử lý; Quy hoạch và xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải rắn đạt tiêu chuẩn môi trường, trong đó ưu tiên xây dựng các cơ sở xử lý, tái chế, chế biến rác thải thành những sản phẩm có ích; Xây dựng lộ trình xã hội hoá dịch vụ thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp theo hướng phân loại từ đầu nguồn; Giải quyết dứt điểm ô nhiễm môi trường tại bãi rác Tràng Cát, bãi tam Đình Vũ, Tiên Cựu, các bãi Bàng La, Đồng Trong; Khống chế ô nhiễm do khí thải công nghiệp và từ các phương tiện giao thông, trong đó quan tâm khuyến khích sử dụng các năng lượng sạch; Thực hiện việc di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp trong khu vực nội thành đến những nơi quy hoạch mới, phù hợp.

2- Bảo vệ môi trường trong phát triển công nghiệp: Ưu tiên sử dụng năng lượng sạch trong hoạt động sản xuất công nghiệp; Xây dựng chính sách hỗ trợ cụ thể, thực hiện có hiệu quả Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1221/QĐ-UB ngày 3/6/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt Kế hoạch xử lý các khu vực gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn Hải Phòng; Xây dựng chương trình quản lý dữ liệu các nguồn thải công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp trong việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trên cơ sở đó công bố sách Đen, sách Xanh; Xây dựng chương trình quản lý, kiểm soát, xử lý chất thải nguy hại theo Quyết định 155/1999/QĐ-TTg ngày 16/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý chất thải nguy hại; Xây dựng cơ chế khuyến khích thực hiện xã hội hoá, hình thành và phát triển các doanh nghiệp dịch vụ thu gom, xử lý chất thải nguy hại, chất thải y tế và có chế tài buộc các doanh nghiệp phải xử lý triệt để chất thải nguy hại; Tổ chức thực hiện Nghị định 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải công nghiệp vào nguồn nước. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng tiết kiệm nguồn nước, hạn chế xả nước thải chưa qua xử lý; Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường trong công nghiệp khai khoáng, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Phục hồi, cải tạo môi trường tại các khu vực khai thác khoáng sản, đặc biệt tại các khu vực ở huyện Thuỷ Nguyên, An Lão; Có chế tài buộc cơ sở khai thác phải áp dụng đúng quy trình khai thác mỏ, tiết kiệm tối đa tài nguyên, thực hiện việc hoàn nguyên, khôi phục tối đa môi trường tự nhiên sau khi kết thúc quá trình khai thác.

3- Bảo vệ môi trường trong phát triển du lịch: Thực hiện hiệu quả Quyết định số 02/2003/QĐ-BTNMT ngày 29/7/2003 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch đối với khu du lịch Đồ Sơn, Cát Bà, Núi Voi và một số điểm du lịch khác.

4- Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và các hệ sinh thái: Kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, nhập khẩu và sử dụng các loại phân bón và thuốc bảo vệ thực vật nhằm giảm diện tích đất thoái hoá, bạc màu; Bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý tiết kiệm, ngăn ngừa và phòng chống ô nhiễm và làm cạn kiệt nguồn nước, nhất là nguồn nước cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất như sông Giá, sông Ré, sông Đa Độ và các lưu vực sông Cấm, sông Lạch Tray, sông Văn Úc; Phát triển vốn rừng (rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng ngập mặn...) và phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Khôi phục rừng phòng hộ, rừng chắn sóng đảm bảo cân bằng sinh thái, đa dạng sinh học; Xây dựng chương trình xanh hoá khu vực nội thành, thị xã, thị trấn và các khu, cụm công nghiệp, đảm bảo tỷ lệ quy định cây xanh đối với đô thị loại 1 cấp quốc gia; Kiểm tra và xử lý nghiêm việc đánh bắt hải sản trên các ngư trường bằng chất nổ, hoá chất độc và xung điện và những biện pháp không được phép; Bảo vệ, phát triển đa dạng sinh học Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cát Bà, quần đảo Cát Bà, đảo Bạch Long Vĩ. Thành lập hệ thống khu bảo tồn biển và ven biển, phòng ngừa, giảm thiểu tác hại của thiên tai ven biển. Kiểm soát chặt chẽ xâm lấn sinh học từ cửa khẩu cảng Hải Phòng.

5- Bảo vệ môi trường cảng, biển và vùng cửa sông Hải Phòng: Kiểm soát chặt chẽ nguồn gây ô nhiễm khu vực cảng, vùng biển, cửa sông, biển của Hải Phòng. Thành lập các tổ chức phòng ngừa, ứng cứu kịp thời các sự cố tràn dầu, có kế hoạch đầu tư phương tiện ứng cứu phù hợp; Nghiên cứu quy hoạch tổng thể quản lý tổng hợp đới bờ và vùng cửa sông Hải Phòng. Nghiên cứu áp dụng những công cụ quan trắc tiên tiến theo dõi sự biến động để có các hành động ứng phó kịp thời.

6- Bảo vệ môi trường nông thôn Hải Phòng: Thực hiện thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt và nước thải đảm bảo không đổ thải vào nguồn nước cấp cho nông nghiệp. Khuyến khích phát triển hệ thống cấp nước sạch cụm dân cư, sử dụng khí sinh học làm chất đốt để nâng cao điều kiện vệ sinh môi trường vùng nông thôn; Xây dựng nền Nông Lâm Ngư nghiệp Hải Phòng bền vững. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo mô hình sinh thái, đa dạng, ổn định tạo sản phẩm sạch, đẩy mạnh các phong trào sản xuất sạch hơn như IPM, VAC, VACR.

7- Bảo vệ môi trường các khu vực có di sản tự nhiên, di sản văn hoá: Thực hiện các giải pháp ngăn ngừa ô nhiễm đến các di sản văn hoá và tự nhiên như Khu du lịch Cát Bà, Đồ Sơn, khu Núi Voi, di chỉ Tràng Kênh, đền thờ Nguyễn Bình Khiêm...

III- GIẢI PHÁP

1- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về trách nhiệm bảo vệ môi trường: Phổ biến, quán triệt sâu rộng các các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết của Thành uỷ, Chương trình hành động của Uỷ ban nhân dân thành phố về bảo vệ môi trường; Xây dựng tiêu chuẩn môi trường cho xã, phường, thị trấn và coi tiêu chí đạt tiêu chuẩn môi trường là một tiêu chí bắt buộc để đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá; Xây dựng chương trình truyền thông phù hợp nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về công tác bảo

vệ môi trường nhằm thu hút, khuyến khích cộng đồng dân cư, tổ chức tham gia các phong trào bảo vệ môi trường của địa phương, phòng ngừa, ngăn chặn và giải quyết có hiệu quả ô nhiễm, suy thoái môi trường; Thường xuyên cung cấp thông tin, phổ biến kiến thức mới nâng cao hiểu biết, hình thành ý thức tự giác bảo vệ môi trường của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt đối với học sinh, sinh viên các cấp. Đồng thời có biện pháp tuyên truyền thích hợp để các cơ sở sản xuất kinh doanh tự giác thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường; Xây dựng kế hoạch sử dụng mạng lưới cộng tác viên để thực hiện tuyên truyền bảo vệ môi trường theo chuyên đề; Có kế hoạch tuyên truyền thường xuyên, liên tục và chế tài cụ thể đối với hộ gia đình, khu dân cư, tổ dân phố trong việc chấp hành quy định về bảo vệ môi trường.

2- Tăng cường quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của thành phố, phù hợp với quy định của pháp luật và xác định được rõ trách nhiệm, quyền lợi, phân công, phân cấp hợp lý và chế tài cụ thể trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Tăng cường năng lực quản lý nhà nước đảm bảo hoạt động của hệ thống quản lý môi trường thành phố có hiệu lực, hiệu quả. Đồng thời có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công tác bảo vệ môi trường. Kiện toàn bộ máy thanh tra môi trường trên cơ sở bố trí hợp lý cán bộ đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở các cấp và bố trí đủ kinh phí hoạt động; Thi hành đầy đủ, kịp thời, nghiêm túc pháp luật về bảo vệ môi trường; Tăng cường công tác giám sát, thanh, kiểm tra trách nhiệm của các tổ chức, đơn vị, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp trong việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường; Phát triển năng lực quan trắc môi trường của thành phố; Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý nguồn thải, đối tượng thực hiện cam kết môi trường, diễn biến chất lượng môi trường phục vụ công tác quản lý môi trường, phát triển kinh tế xã hội.

3- Tăng cường nguồn lực tài chính, đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kinh tế, tạo sự chuyển biến cơ bản trong đầu tư bảo vệ môi trường: Từ năm 2006 đảm bảo mức chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường từ 1% trở lên trong tổng chi ngân sách, tăng dần theo tốc độ tăng trưởng của kinh tế thành phố; Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn đầu tư từ xã hội, đặc biệt thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn ODA cho sự nghiệp bảo vệ môi trường. Phân đấu đến năm 2010 tăng vốn ODA cho lĩnh vực môi trường lên gấp 3 lần so với mức năm 2000. Quản lý các nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường tiết kiệm, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; Tranh thủ các nguồn vốn của Trung ương thông qua các chương trình, dự án ưu tiên về bảo vệ môi trường thực hiện trên địa bàn Hải Phòng; Tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo Nghị định 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo Nghị định số 137/2005/NĐ-CP ngày 9/11/2005 và các văn bản khác có liên quan.

4- Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường: Từ nay đến năm 2010 và những năm tiếp theo, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, động viên tạo điều kiện cho các tổ chức và nhân dân tích cực tham gia hoạt động bảo vệ môi trường. Đề cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các đoàn thể, tổ chức xã hội trong công tác bảo vệ môi trường. Đưa hoạt động bảo vệ môi trường thành nội dung sinh hoạt của các khu phố, cộng đồng dân cư xây dựng thành một tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương. Lựa chọn những tập thể, cá

nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để tôn vinh khen thưởng. Đồng thời thực hiện phương thức đấu thầu trong thu gom, vận chuyển và xử lý rác.

5- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực cho bảo vệ môi trường: Xây dựng chính sách khuyến khích các trung tâm, viện, trường và cơ quan nghiên cứu tập trung nghiên cứu và triển khai ứng dụng công nghệ môi trường làm chỗ dựa vững chắc cho các hoạt động bảo vệ môi trường của Hải Phòng; Triển khai một số dự án trọng điểm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ mới thân thiện với môi trường; Xây dựng chính sách khuyến khích doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện đổi mới và nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới để sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn môi trường; Chú trọng công tác đào tạo chuyên môn, quản lý và chuyển giao công nghệ cho lĩnh vực bảo vệ môi trường.

6- Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu về môi trường trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế: Thực hiện đầy đủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Tăng cường hợp tác quốc tế song phương và đa phương về môi trường. Ưu tiên mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế thông qua các chương trình, dự án đa phương và song phương với các tổ chức quốc tế lớn như Chương trình phát triển của Liên hợp quốc, Chương trình môi trường Liên hợp quốc, Quỹ môi trường toàn cầu và các tổ chức phi chính phủ khác. Đồng thời phát triển mối quan hệ với các quốc gia có quan hệ hợp tác với Hải Phòng trong công tác bảo vệ môi trường như Hàn Quốc, Phần Lan, Nhật Bản...; Sử dụng đúng mục đích, hiệu quả những tài trợ đầu tư hiện có. Có kế hoạch về vốn đối ứng phù hợp và kế hoạch đào tạo, bố trí nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, ngoại ngữ tham gia các dự án.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Ban chỉ đạo: Thành lập Ban chỉ đạo thành phố về Bảo vệ môi trường và Phát triển bền vững để chỉ đạo, tổ chức thực hiện thành công Chương trình hành động về bảo vệ môi trường thành phố Hải Phòng đến năm 2010, định hướng đến 2020.

2- Tiến độ thực hiện: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực, cơ quan chủ trì thống nhất với Sở Tài nguyên và Môi trường về mục tiêu, chỉ tiêu, nguồn vốn, thời hạn, cơ quan phối hợp để cụ thể hoá Chương trình hành động được giao với lộ trình cho từng năm nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu và chỉ tiêu chung đến năm 2010, định hướng 2020, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

3- Nguồn vốn: vốn ngân sách nhà nước trong kế hoạch hàng năm và dài hạn và huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

4- Phân công thực hiện Chương trình hành động

4.1- Sở Giao thông Công chính chủ trì:

- Chương trình quản lý và xử lý chất thải rắn .
- Chương trình khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường tại các kênh, mương, hồ trong khu vực nội thành.
- Chương trình quản lý các công trình vệ sinh công cộng, trang thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng.
- Chương trình kiểm soát nguồn khí thải gây ô nhiễm không khí.

- Chương trình quản lý cấp, thoát nước mưa và nước thải vệ sinh thành phố.
- Chương trình cải tạo điều kiện vệ sinh môi trường thành phố.

4.2- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì:

- Chương trình nâng cao năng lực quản lý bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học tại Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cát Bà, quần đảo Cát Bà, đảo Bạch Long Vĩ.
- Chương trình kiểm soát, phòng chống lũ, bão, xâm nhập mặn, xói lở bờ sông, bờ biển phục hồi hệ sinh thái bị suy thoái do lũ, bão gây ra
- Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn.
- Chương trình kiểm soát hoá chất sử dụng và nguồn thải trong nông nghiệp.
- Chương trình 5 triệu ha rừng bảo vệ và trồng rừng phòng hộ ven biển, rừng chắn sóng và rừng ngập mặn.

4.3- Sở Y tế chủ trì:

- Chương trình quản lý, kiểm soát sử dụng hoá chất y tế và xử lý chất thải y tế.

4.4- Sở Thủy sản chủ trì:

- Chương trình bảo tồn, phát triển đa dạng sinh học biển, nguồn lợi thủy sản, biển và ven biển và bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy, hải sản.

4.5- Sở Công nghiệp chủ trì:

- Chương trình khuyến khích tiết kiệm, sử dụng năng lượng sạch..
- Chương trình ngăn ngừa, bảo vệ, phục hồi môi trường ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản;
- Chương trình kiểm soát, xử lý nguồn thải công nghiệp và an toàn hoá chất có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường nghiêm trọng.

4.6- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì:

- Chương trình hỗ trợ nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, kỹ thuật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là công nghệ giảm thiểu ô nhiễm và phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa.
- Chương trình tư vấn, khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện quản lý, tổ chức sản xuất đạt tiêu chuẩn quốc tế về môi trường và áp dụng chương trình sản xuất sạch hơn và tiết kiệm năng lượng.

4.7- Sở Nội vụ chủ trì:

- Chương trình đào tạo và nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ nguồn nhân lực làm công tác quản lý về bảo vệ môi trường thành phố.
- Chương trình xây dựng chế tài thực hiện cam kết bảo vệ môi trường.

4.8- Sở Văn hoá Thông tin chủ trì:

- Chương trình bảo vệ môi trường gắn với bảo vệ phát triển các di sản văn hoá.

4.9- Sở Du lịch chủ trì:

- Chương trình bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch.

4.10- Sở Xây dựng chủ trì:

- Chương trình lập quy hoạch bố trí các cơ sở gây ô nhiễm trong nội thành di chuyển đến khu quy hoạch tập trung.
- Chương trình phát triển đô thị sinh thái bền vững.

4.11- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì:

- Chương trình thực hiện Chương trình nghị sự Agenda 21 của Hải Phòng.
- Chương trình xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường và khuyến khích hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm thực hiện di dời ra khỏi khu vực nội thành, nội thị.

4.12- Sở Tài chính chủ trì:

- Chương trình thu hút, huy động, đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường.
- Chương trình triển khai hoạt động thu phí, lệ phí bảo vệ môi trường đối với chất thải, nguồn thải.

4.13- Sở Thương mại chủ trì:

- Chương trình kiểm soát sản phẩm không đạt tiêu chuẩn môi trường tiêu thụ trên thị trường và các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

4.14- Sở Giáo dục đào tạo chủ trì:

- Chương trình phổ biến kiến thức pháp luật về bảo vệ môi trường trong các trường học trên địa bàn.

4.15- Ban Tuyên giáo thành uỷ chủ trì:

- Chương trình tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường.

4.16- Cục Hải quan Thành phố chủ trì:

- Chương trình giám sát thực hiện quy định về bảo vệ môi trường đối với hàng hoá vận chuyển qua cửa khẩu Hải Phòng.

4.17 Công an thành phố chủ trì:

- Chương trình phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

4.18- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì:

- Chương trình bảo vệ, phòng chống ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường đối với các nguồn nước mặt và nước ngầm cung cấp nước của thành phố.
- Chương trình nâng cao năng lực quan trắc và phân tích môi trường .
- Chương trình xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý các nguồn thải và kiểm soát các tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện cam kết bảo vệ môi trường.
- Chương trình phòng chống và kiểm soát ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường trong khu vực nội thành, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch, khu vực Cảng và các đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm cao.
- Chương trình phân cấp công tác quản lý nhà nước về môi trường.

- Chương trình quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn.
- Chương trình hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.
- Chương trình bảo vệ, khai thác và sử dụng tiết kiệm tài nguyên đất.

4.19- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố chủ trì:

- Phong trào toàn dân bảo vệ môi trường.
- Tư vấn, phản biện các dự án bảo vệ môi trường trong các chương trình.

4.20- Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã chủ trì:

- Chương trình kiểm tra xử lý theo phân cấp và thẩm quyền trách nhiệm đối với các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Chương trình xã hội hoá dịch vụ thu gom, xử lý rác thải, xoá vệ sinh thùng.
- Chương trình quản lý vệ sinh môi trường trên địa bàn.

5- Tổ chức thực hiện Chương trình:

- Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Chương trình này; thường xuyên phối hợp, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện các Chương trình tại các cơ quan chủ trì có liên quan; định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện hoặc kịp thời phát hiện những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

- Tiếp nhận nhu cầu, đề xuất bổ sung, điều chỉnh, lựa chọn thứ tự ưu tiên thực hiện các Chương trình hành động nhằm đảm bảo mục tiêu đề ra, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Trịnh Quang Sử

Trịnh Quang Sử